

Số: 11...../2026/CBTT-VNTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**
Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: ☒ bất thường 24h

Điện thoại: (0274).2220399

Nội dung thông tin công bố: Cập nhật, sửa đổi Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam, như sau:

- Sửa đổi Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT về việc thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026.
- Sửa đổi Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty.
- Cập nhật số liệu Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 tại các tài liệu gồm:
(1) Báo cáo của Tổng giám đốc về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026;
(2) Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Đính kèm các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được sửa đổi.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 15.../04/2026 tại đường dẫn <https://vntt.com.vn/dai-hoi-dong-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



PHẠM TUẤN ANH



BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả kinh doanh (đã kiểm toán)

- Kết quả kinh doanh hợp nhất:

Stt	CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT (triệu đồng; %)			
		Thực hiện năm 2025	% so TH năm 2024	KH2025 hợp nhất	%TH/KH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	430,093	116.5%	412,500	104.3%
2	Tổng chi phí	339,320	115.8%	332,500	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	90,773	119.4%	80,000	113.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,589	118.9%	64,000	113.4%

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 430.1 tỷ đồng, bằng 116.5% so năm 2024 và thực hiện 104.3% kế hoạch.
- Tổng chi phí: 339.3 tỷ đồng, bằng 115.8% so năm 2024 và thực hiện 102.1% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 90.8 tỷ đồng, bằng 119.4% so năm 2024 và thực hiện 113.5% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 72.6 tỷ đồng, bằng 118.9% so năm 2024 và thực hiện 113.4% kế hoạch.

- Kết quả kinh doanh Công ty mẹ:

Stt	CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ (triệu đồng; %)			
		Thực hiện năm 2025	% so TH năm 2024	Kế hoạch năm 2025	%TH/KH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	428,877	117.4%	410,000	104.6%
2	Tổng chi phí	338,321	116.8%	330,000	102.5%



3	Lợi nhuận trước thuế	90,556	119.9%	80,000	113.2%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,410	119.9%	64,000	113.1%

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 428.9 tỷ đồng, bằng 117.4% so năm 2024 và thực hiện 104.6% kế hoạch.
- Tổng chi phí: 338.3 tỷ đồng, bằng 116.8% so năm 2024 và thực hiện 102.5% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 90.6 tỷ đồng, bằng 119.9% so năm 2024 và thực hiện 113.2% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 72.4 tỷ đồng, bằng 119.9% so năm 2024 và thực hiện 113.1% kế hoạch.
- **Kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu theo nhóm ngành năm 2025:**
 - ✓ Doanh thu dịch vụ viễn thông (“DVVT”): 228.8 tỷ đồng, bằng 114.7% so năm 2024, thực hiện 109.0% kế hoạch;
 - ✓ Doanh thu dịch vụ datacenter (“DVDC”): 48.5 tỷ đồng, bằng 98.9% so năm 2024, thực hiện 101.1% kế hoạch;
 - ✓ Thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 93.7 tỷ đồng, bằng 109.5% so năm 2024, thực hiện 98.1% kế hoạch;
 - ✓ Doanh thu dịch vụ Giải pháp thông minh: 47.2 tỷ đồng, bằng 1,293.6% so năm 2024, thực hiện 118.0% kế hoạch.
- **Cơ cấu doanh thu theo nhóm ngành:** DVVT 53%; DVDC 11%; Thi công vận hành bảo trì, bán lẻ 22%; Giải pháp thông minh 11%; Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác 3%.
- **Chi phí năm 2025 như sau:** tổng chi phí cả năm là 338.3 tỷ đồng, bằng 116.8% so năm 2024, thực hiện 102.5% kế hoạch. **Cơ cấu chi phí năm 2025** bao gồm 86% là giá vốn, 13.9% là chi phí bán hàng và quản lý, chi phí khác phát sinh không đáng kể, không phát sinh chi phí lãi vay trong năm 2025.

II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ HỢP TÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

1. Tăng trưởng và quy mô năm 2025

- Số lượng khách hàng doanh nghiệp (“KHDN”): tăng trưởng 11.8%, tương đương tăng lũy tiến 206 khách hàng, nâng tổng số lượng KHDN đến cuối năm 2025 là 1,951 khách hàng.
- Số lượng khách hàng cá nhân (“KHCH”): tăng trưởng 16.3%, tương đương tăng lũy tiến 3,304 khách hàng, nâng tổng số lượng KHCH đến cuối năm 2025 là 23,603 khách hàng.
- Số lượng thuê bao: tăng trưởng 19.7%, tương đương tăng lũy tiến 5,918 thuê bao, nâng tổng số lượng thuê bao DVVT đến cuối năm 2025 là 35,909 thuê bao.

2. Hợp tác

- Hợp tác đa nhà mạng: Trong năm 2025, VNTT thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác theo mô hình đa nhà mạng với các đối tác Viettel, VNPT và FPT nhằm tăng tính linh hoạt



trong việc cung cấp dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Các bên cùng phối hợp đầu nối hạ tầng, tích hợp hệ thống, sẵn sàng cung cấp dịch vụ từ năm 2026.

- Hợp tác với NTT-Asia (Nhật Bản) theo Hợp đồng BCC: tổng số lượng thuê bao toàn Dự án đến cuối năm 2025 đạt 13,120 thuê bao, gồm 5,861 thuê bao FTTH chuyển đổi ban đầu, 6,981 thuê bao FTTH phát triển mới và 278 thuê bao Cloudwifi.

3. Một số thành tựu khác

- Báo cáo trước Thủ Tướng, các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ mô hình chuyển đổi số - chuyển đổi xanh tại Diễn đàn kinh tế số quốc gia lần thứ III.
- Digital Twin Platform VNTT góp phần tạo dấu ấn cho TP.HCM tại Giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam 2025.
- Mở rộng hợp tác quốc tế bằng việc bổ sung nguồn tín hiệu từ đối tác Hurricane Electric tại Hong Kong, góp phần tăng tính dự phòng và đảm bảo độ ổn định của tín hiệu quốc tế. Hiện nay, POP VNTT tại Hồng Kông đang hoạt động với hai đối tác chính là Cogent và Hurricane Electric mang lại hiệu năng kết nối cao và đáp ứng tốt cho các dịch vụ xuyên biên giới. Với việc mở rộng và phát triển POP VNTT tại Hồng Kông, VNTT đang từng bước khẳng định vị thế và vươn tầm quốc tế trong lĩnh vực viễn thông.

III. ĐẦU TƯ MUA SẮM XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025

Tổng giá trị đầu tư năm 2025 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) đạt 29.7 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư hệ thống server ảo hóa và server AI: 13.5 tỷ đồng, chiếm 45.5% tổng giá trị đầu tư năm 2025.
- Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp (“KCN”)/khu dân cư: 10.7 tỷ đồng, chiếm 36.1%.
- Đầu tư trang bị hệ thống Firewall mới cho Datacenter: 2.1 tỷ, chiếm 7.1%.
- Đầu tư hệ thống giám sát mạng cáp quang chủ động: 1.0 tỷ đồng, chiếm 3.4%.

IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Dự báo môi trường kinh doanh năm 2026

- Kinh tế toàn cầu: đang chịu sức ép từ nhiều biến động do bất ổn địa chính trị, biến động thương mại và sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Nền kinh tế Việt Nam: bước vào năm đầu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030, tăng trưởng GDP phần đầu đạt từ 10% trở lên; các định chế tài chính quốc tế đều dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2026 là khá tích cực.
- Thành phố Hồ Chí Minh: nhiều cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố được sửa đổi, bổ sung theo hướng thông thoáng; các dự án, công trình lớn, trọng điểm được triển khai; phần đầu GDP tăng trưởng 2 con số.

2. Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2026

Ban điều hành VNTT định hướng năm 2026 vẫn sẽ tập trung phát triển lĩnh vực hạ tầng thông minh và chuyển đổi số; tiếp tục mở rộng hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển tệp khách hàng doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trọng



điểm; gia tăng năng lực tài chính; duy trì khả năng sinh lời. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Chủ trương phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 367,275,000,000 đồng lên 500,228,550,000 đồng trong năm 2026-2027. Tiền thu được từ phát hành cổ phần dự kiến được sử dụng để xây dựng Trung tâm dữ liệu nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Đầu tư và tối ưu hạ tầng hiện hữu:
 - Nâng cấp hạ tầng kết nối quốc tế: trong năm 2026 sẽ triển khai nâng cấp dung lượng đường truyền quốc tế từ 10Gbps lên 20Gbps, kết nối từ POP Hong Kong về DC-VNNTT nhằm gia tăng năng lực truyền tải dữ liệu quốc tế, đảm bảo độ ổn định và khả năng dự phòng của hệ thống, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng doanh nghiệp. Tích hợp thêm các dịch vụ trên nền tảng hạ tầng cáp quang có sẵn để tăng doanh thu, giảm chi phí đầu tư.
 - Nghiên cứu mở rộng điểm POP quốc tế đề án mở rộng POP VNNTT tại Singapore nhằm tăng cường lưu lượng kết nối quốc tế, đa dạng hóa hướng kết nối, nâng cao khả năng dự phòng và tối ưu chất lượng dịch vụ. Việc mở rộng hạ tầng quốc tế là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, góp phần từng bước khẳng định vị thế của VNNTT trên thị trường viễn thông trong nước và khu vực.
 - Đề xuất xây dựng Trung tâm dữ liệu mới công suất 10-30MW để đáp ứng nhu cầu thị trường, tối ưu kế hoạch tài chính, nâng cao vị thế VNNTT trên thị trường chứng khoán.
 - Tiếp tục tối ưu hạ tầng viễn thông VNNTT và phát triển thuê bao FTTH nhằm nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng hiện có, gia tăng biên lợi nhuận, chủ động trong công tác vận hành, xử lý sự cố và chăm sóc khách hàng.
 - Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ đa nhà mạng thông qua hợp tác với VNPT, Viettel, FPT nhằm mục tiêu tăng tính linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ và độ ổn định của kết nối, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tiếp tục số hóa quy trình nghiệp vụ, ứng dụng cao hàm lượng công nghệ thông tin tại các bộ phận phòng ban, tiêu biểu:
 - Triển khai hợp đồng điện tử trong cung cấp dịch vụ viễn thông, số hóa quy trình kinh doanh và chăm sóc khách hàng nhằm rút ngắn thời gian ký kết và triển khai dịch vụ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý, cải thiện trải nghiệm khách hàng;
 - Triển khai hệ thống quản lý dịch vụ hiện trường trong lĩnh vực thi công, bảo trì, xử lý sự cố tại hiện trường nhằm tối ưu hiệu suất đội ngũ nhân sự, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, minh bạch thông tin, số hóa dữ liệu thành các báo cáo có giá trị phục vụ công tác vận hành và quản lý.
- Định hướng phát triển kinh doanh:
 - Chăm sóc khách hàng hiện hữu nhằm giữ chân khách hàng và gia tăng doanh thu tối đa từ khách hàng hiện hữu;
 - Tiếp cận các khách hàng nhóm FSI, các công ty trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các doanh nghiệp có định hướng ứng dụng công

nghe để giảm tiêu thụ năng lượng, phát triển xanh, bền vững, các doanh nghiệp có ngân sách lớn chỉ tiêu cho công nghệ, các khách hàng có nhu cầu khác mà VNTT có thể đáp ứng;

- Mở rộng thị trường tại các khu công nghiệp VSIP Quảng Trị, khu công nghiệp VSIP Cần Thơ nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong khu vực;
- Duy trì chính sách giá linh hoạt phù hợp nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, giữ chân khách hàng trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu;
- Kinh doanh các giải pháp thông minh tập trung vào các khu đô thị thông minh và mở rộng phân khúc khách hàng ra ngoài hệ sinh thái Becamex.
- Tăng cường các hoạt động marketing và truyền thông thương hiệu VNTT là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và giải pháp số toàn diện, từ hạ tầng dữ liệu, số hóa quy trình doanh nghiệp đến triển khai mô hình quản lý tập trung cho Thành phố Hồ Chí Minh, đặc khu Côn Đảo, Vân Đồn, khẳng định vị thế trong các dự án đô thị thông minh.

3. Kế hoạch tài chính năm 2026

STT	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026				
	(Triệu đồng)				
	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
1	Tổng doanh thu	549,800	128.7%	550,800	128.6%
a	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	546,000	130.5%	546,800	130.5%
	<i>Trong đó, Dịch vụ viễn thông</i>	250,000	109.3%	250,000	109.3%
	<i>Thi công, vận hành, bảo trì, bán lẻ</i>	198,000	211.3%	198,000	211.3%
	<i>Dịch vụ Data Center</i>	48,000	98.9%	48,000	98.9%
	<i>Giải pháp thông minh</i>	50,000	105.9%	50,800	105.6%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	3,800	43.3%	4,000	44.0%
2	Tổng chi phí	455,000	134.7%	456,000	134.6%
a	Giá vốn hàng bán	403,500	138.7%	403,900	138.4%
b	Chi phí bán hàng	19,500	108.3%	19,600	108.7%
c	Chi phí quản lý	32,000	110.4%	32,500	112.5%



STT	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026				
	(Triệu đồng)				
	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
d	Chi phí tài chính	-	0.0%	-	0.0%
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	-		-	-
	<i>Hoàn nhập trích lỗ Công ty con VNTTS</i>	(50)	142.9%	-	-
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	94,800	106.3%	94,800	106.0%
4	Lợi nhuận khác	200	14.7%	200	14.7%
a	Thu nhập khác (Doanh thu khác)	200	10.8%	200	10.8%
b	Chi phí khác	-	0.0%	-	0.0%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	95,000	104.9%	95,000	104.7%
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,000	104.7%	19,000	104.7%
7	Lợi nhuận sau thuế	76,000	105.0%	76,000	104.7%

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI NĂM 2025 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		KH PHÂN PHỐI NĂM 2026 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		% KH2026/TH2025
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		64,000		72,589		76,000	104.7%



STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI NĂM 2025 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		KH PHÂN PHỐI NĂM 2026 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		% KH2026/ TH2025
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		4,208		4,208		4,453	105.8%
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	30% LNST	19,200	35% LNST	25,406	30% LNST	22,800	89.7%
4	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT		1,300		1,500		1,600	106.7%
5	Khen thưởng Ban điều hành	2% LNST	1,280	2% LNST	1,452	2% LNST	1,520	104.7%
6	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% LNST	6,400	10% LNST	7,259	10% LNST	7,600	104.7%
7	Vốn điều lệ		367,275		367,275		500,228	136.2%
8	Chia cổ tức	9% VDL	33,055	10% VDL	36,728	9% VDL	45,021	122.6%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		6,973		4,453		1,912	42.9%

Trên đây là Báo cáo về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Trân trọng.

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM TUẤN ANH

Số: 03/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025 và
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -**
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam năm 2025;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Phân phối lợi nhuận năm 2025

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025 (hợp nhất)	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		64,000		72,589
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		4,208		4,208
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	30%/LNST	19,200	35%/LNST	25,406
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		1,300		1,500
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	1,280	2%/LNST	1,452
6	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	6,400	10%/LNST	7,259
7	Vốn điều lệ		367,275		367,275
8	Chia cổ tức	9%/VĐL	33,055	10%/VĐL	36,728
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		6,973		4,453

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		76,000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		4,453
3	Quỹ đầu tư phát triển	30%/LNST	22,800
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		1,600
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	1,520
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	7,600
7	Vốn điều lệ		500,228
8	Chia cổ tức	9%/VĐL	45,021
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1,912

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ PHAN MINH VŨ



Số: 07/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

- Tên tổ chức phát hành : Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
- Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.



- Mã chứng khoán : TTN
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ Công ty trước thời điểm chào bán : 367.275.000.000 đồng, tương ứng 36.727.500 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 13.295.355 cổ phiếu, tương ứng bằng 36,2% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm chào bán.
- Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá : 132.953.550.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).
- Mục đích chào bán :
 - Nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng tổng tài sản của Công ty;
 - Nhằm bổ sung vốn để đầu tư và/hoặc bù đắp thanh toán các khoản nợ vay để hình thành và mua sắm tài sản cố định nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Hình thức chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 1000:362 (*Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 1000 quyền được mua 362 cổ phiếu mới*).
- Đối tượng chào bán : Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định (*Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định*).
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nguyên tắc xác định giá chào bán:

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty:**

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{505.610.275.408}{36.727.500} = 13.766,53 \text{ đồng}$$



- **Giá thị trường:** Trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2026 đến ngày 25/03/2026 trên Sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu TTN có giá đóng cửa bình quân là 16.113 đồng/30 phiên giao dịch. (Số liệu tại website: <https://www.hnx.vn>)

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh nghiệp: “Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;

.....”

Để cảm ơn các cổ đông đã đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua, Hội đồng Quản trị đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là: **10.000 đồng/cổ phiếu.**

- Tổng số vốn huy động : 132.953.550.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng.)
- Thặng dư cổ phần dự kiến : 0 đồng.
- Vốn điều lệ Công ty sau : 500.228.550.000 đồng, tương ứng 50.022.855 cổ phiếu.
- Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong năm 2026 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty.

- Phương thức phân phối : Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.

Các bên tự thỏa thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.



- Nguyên tắc làm tròn và : Số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng cho cổ
phương án xử lý số lượng đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ sẽ được làm tròn
cổ phiếu lẻ xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh
(nếu có) sẽ được xử lý theo Phương án xử lý số cổ
phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.

- Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, cổ đông A sở hữu 1.019 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện 1000:362, cổ đông A sẽ được quyền mua $1.019 \times 0,362 = 368,878$ cổ phiếu. Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được mua 368 cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,878 sẽ được xử lý theo Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.*

- Phương án xử lý số cổ : Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm
phiếu chưa phân phối hết số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua,
sau đợt chào bán (nếu có) không nộp tiền mua, số lượng cổ phiếu phát sinh lẻ do
làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định hủy bỏ hoặc chào
bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không
thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc
theo quyết định khác của HĐQT tùy từng tình hình
thực tế.
Trong trường hợp phân phối tiếp, ĐHĐCĐ ủy quyền
cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư
được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc cổ phiếu
chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy
định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày
31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh
nghiệp.
Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ
phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa
phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được hủy bỏ
và kết thúc đợt chào bán.

- Các hạn chế liên quan : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không
bị hạn chế chuyển nhượng.
Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng
thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền
mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua
thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ **không bị hạn
chế** chuyển nhượng.
Số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua,
không nộp tiền mua chào bán cho các Nhà đầu tư khác
sẽ bị hạn chế chuyển nhượng **01 (một) năm** kể từ
ngày kết thúc đợt chào bán.

- Phương án bảo đảm tỷ lệ : ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định
sở hữu nước ngoài phương án cụ thể để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài



- của Công ty theo quy định của pháp luật khi thực hiện đợt chào bán.
- Tỷ lệ chào bán thành công : Không áp dụng.
tối thiểu
 - Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán: ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHA LOÃNG CỦA CỔ PHIẾU DỰ KIẾN SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)
- (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)
- (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

- Về pha loãng EPS và BVPS

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như BVPS của Công ty, cụ thể như sau:

a. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

$$\text{Công thức tính: EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = (X \cdot 12 + Y \cdot t) / 12$$

Trong đó:

X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi chào bán

Y: Số lượng cổ phiếu chào bán thêm

t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số lượng cổ phiếu chào bán thêm

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

b. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

$$\text{Công thức tính: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời



gian ngắn ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

- **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).

- **Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm**

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán. Theo đó, công thức tính toán như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_r)}{1 + I}$$

Trong đó:

- + *P_{tc}*: Giá tham chiếu của cổ phiếu TTN trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu.
- + *PR_{t-1}*: Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- + *I*: Tỷ lệ vốn tăng theo chào bán quyền mua cổ phiếu.
- + *Pr*: Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

III. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh với chi phí đầu tư dự kiến cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền dự kiến	Giá trị đầu tư dự kiến (VNĐ)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán Chi phí thiết kế và thi công xây dựng công trình	100.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
2	Thanh toán Chi phí đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị và các hạng mục phụ trợ hình thành tài sản cố định khác	30.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
3	Thanh toán Chi phí khác bao gồm cả chi phí thuê hạ tầng/quyền sử dụng đất	50.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
	Tổng cộng	180.000.000.000 (*)	

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 132.953.550.000 đồng sẽ được sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn để thanh toán chi phí thuê hạ tầng/quyền sử dụng đất; thanh toán chi phí thiết kế và thi công xây dựng công trình; thanh toán tiền đầu tư, mua sắm máy móc



thiết bị và các hạng mục phụ trợ hình thành tài sản cố định của Trung tâm Dữ liệu và các chi phí khác. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán để phù hợp với thực tế triển khai; thứ tự ưu tiên và phân bổ số tiền sử dụng từ đợt chào bán.

Đồng thời, để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) ĐHĐCĐ giao, ủy quyền cho HĐQT sẽ chủ động huy động các nguồn vốn khác để thực hiện và sau khi thu được tiền từ đợt chào bán, HĐQT sẽ thanh toán các khoản huy động (bao gồm cả nợ vay tổ chức tín dụng/cá nhân/tổ chức) với mục đích xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center).

Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả chào bán thực tế và tình hình hoạt động kinh doanh, tiến độ xây dựng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) để phân bổ lại số tiền thực tế thu được phù hợp với tình hình triển khai xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) của Công ty và đảm bảo lợi ích cổ đông.

(*) Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sử dụng để xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) nhỏ hơn tổng giá trị đầu tư dự kiến, Công ty sẽ chủ động huy động và sử dụng từ nguồn vốn khác.

IV. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ NỘI DUNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục đăng ký tăng/thay đổi vốn điều lệ của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ ghi trong Điều lệ Công ty tương ứng với kết quả chào bán thêm cổ phiếu và mức vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu. Theo đó, sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu và thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, Người Đại diện theo Pháp luật/Chủ tịch HĐQT của Công ty được quyền ký ban hành bản Điều lệ mới với nội dung duy nhất được sửa đổi khác so với bản Điều lệ hiện hành là mức vốn điều lệ của Công ty.

V. THÔNG QUA VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo đúng quy định của pháp luật.

VI. THÔNG QUA GIAO VÀ ỦY QUYỀN CHO HĐQT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ SAU

Ngoài các nội dung ủy quyền cho HĐQT được nêu tại phương án chào bán cổ phiếu chi tiết, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

1. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của Công ty (nếu cần) nhằm triển khai phương án chào bán đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn kinh doanh của Công ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công ty.



2. Quyết định lựa chọn thời điểm cụ thể thực hiện triển khai phương án chào bán, xây dựng và hoàn thiện hồ sơ phát hành cổ phiếu gửi UBCKNN, thời điểm đăng ký giao dịch bổ sung và lưu ký bổ sung cổ phiếu phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc thực hiện thủ tục chào bán cổ phiếu theo phương án chào bán sau khi nhận được chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
4. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc phân bổ, cân đối và phương án chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu để phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và mục đích sử dụng vốn đã được ĐHĐCĐ thông qua.
5. Quyết định các vấn đề chi tiết liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty để ghi nhận sự thay đổi liên quan đến vốn điều lệ Công ty, thực hiện các thủ tục pháp lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật để ghi nhận, cập nhật mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành đợt chào bán thêm cổ phiếu.
6. Quyết định các vấn đề chi tiết và triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đăng ký lưu ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC và đăng ký giao dịch cổ phiếu bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế chào bán thêm của Công ty.
7. Đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài đúng quy định của pháp luật.
8. Quyết định tất cả các vấn đề và thực hiện tất cả các thủ tục, công việc liên quan cần thiết khác (nếu có) nhằm đảm bảo thực hiện thành công phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua và tuân thủ quy định của pháp luật.
9. HĐQT báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả chào bán thêm cổ phiếu và kết quả tăng vốn điều lệ Công Ty tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: HC-NS, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ PHAN MINH VŨ

C.T.C.P.

